



Tỉnh (TP): TUYÊN QUANG

Mẫu biểu số 01

Ks: THÁI HÒA

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Thái Hòa)

Đơn vị: Nghìn đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	112,251,000	Tổng số chi	112,251,000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	4,252,000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	3,390,500	II. Chi thường xuyên	110,281,300
III. Thu bổ sung	104,608,500	III. Dự phòng	1,969,700
- Bổ sung cân đối ngân sách	90,840,600		
- Bổ sung có mục tiêu	13,767,900		
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Thái Hòa)

Đơn vị: Nghìn đồng

Nội dung	Thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5= 3/1	6= 4/2
Tổng số thu	-	-	112,251,000	112,251,000		
1. Các khoản thu 100%	-	-	4,252,000	4,252,000		
Phí, lệ phí	-		340,000	340,000		
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-		175,000	175,000		
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-		0			
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-		0			
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		13,000	13,000		
Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-		0			
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-		0			
Lệ phí trước bạ nhà, đất	-		2,945,000	2,945,000		
Thuế Thu nhập cá nhân	-		685,000	685,000		
Thuế Giá trị gia tăng	-		0			
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-		0			
Thu khác	-		94,000	94,000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	-	-	3,390,500	3,390,500		
1. Các khoản thu phân chia	-	-	3,390,500	3,390,500		
Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	-		2,370,500	2,370,500		
Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-		1,020,000	1,020,000		
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	-					
Lệ phí trước bạ nhà, đất	-					
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	-	0	0		
Thuế Thu nhập cá nhân	-		0			
Thuế Giá trị gia tăng	-		0			
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-		0			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			0			
IV. Thu chuyển nguồn	-		0	0		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	-		0	0		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	-	104,608,500	104,608,500		
- Bổ sung cân đối ngân sách	-		90,840,600	90,840,600		
- Bổ sung có mục tiêu	-		13,767,900	13,767,900		

Tỉnh (TP): TUYÊN QUANG
Xã: THÁI HÒA

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Thái Hòa)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán
830	340	341	Quản lý nhà nước	10,075,121
830	340	351	Hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam	7,262,684
830	340	361	Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội	4,228,458
830	370	374	Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	210,000
830	010	011	Quốc phòng	429,000
830	040	041	An ninh và trật tự an toàn xã hội	491,000
830	070	098	Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	20,000
831	340	341	Quản lý nhà nước	1,412,242
831	280	312	Kiến thiết thị chính	100,000
831	250	332	Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn	100,000
831	250	261	Xử lý rác thải rắn	1,463,000
831	370	398	Đảm bảo xã hội	135,000
832	100	103	Khoa học và công nghệ khác	100,000
832	160	161	Văn hóa thông tin	200,000
832	340	341	Quản lý nhà nước	1,202,920
832	370	398	Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	18,462,000
833	340	341	Quản lý nhà nước	930,531
989	280	338	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	288,728
822	070	071	Giáo dục mầm non	17,731,019
822	070	072	Giáo dục tiểu học	19,893,017
822	070	073	Giáo dục trung học cơ sở	14,464,089
TỔNG CỘNG				99,198,809